BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

TRẦN THỊ TÚ

LỰA CHỌN VÀ ỨNG DỤNG TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG TRONG GIỜ NGOẠI KHÓA CHO HỌC SINH TIỂU HỌC TỈNH THÁI NGUYÊN

Ngành: Giáo dục học
Mã số: 9140101

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

Bắc Ninh – 2019

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Người hướng dẫn khoa học:

Hướng dẫn 1: TS. Lê Anh Thơ
Hướng dẫn 2: TS. Trần Trung

Phản biện 1: PGS.TS. Lê Đức Chương
Trường Đại học TDTT Đà Nẵng
Phản biện 2: TS. Phạm Thế Vượng
Trường Đại học TDTT Bắc Ninh
Phản biện 3: TS. Trần Đức Phấn
Tổng cục thể dục thể thao

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Trường họp tại: ..... vào hồi: …….. giờ …..ngày ….tháng ….năm 20..

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:
1. Thư viện Quốc gia Việt Nam.
2. Thư viện Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

A. GIỚI THIỆU LUẬN ÁN

1. Phần mở đầu:

Tiểu học là một cấp học quan trọng nhất trong hệ thống giáo dục quốc dân, đối với tuổi học sinh tiểu học, vui chơi giải trí là hoạt động đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển tinh thần và thể chất. Các em tích lũy tri thức, kỹ năng sống, hình thành nhân cách và giải trí thông qua hoạt động vui chơi.

Trò chơi vận động là phương tiện của giáo dục thể chất (GDTC), là hoạt động có ý thức, nhằm đạt được những kết quả, những mục đích có điều kiện đã được đặt ra.Trò chơi vận động được cấu thành bởi hai yếu tố: Vui chơi giải trí, thỏa mãn nhu cầu về mặt tinh thần; giáo dục và giáo dưỡng thể chất góp phần giáo dục đạo đức, ý chí, lòng dũng cảm, tinh thần đoàn kết… hình thành và phát triển các tố chất, kĩ năng, kĩ xảo cần thiết cho cuộc sống. Các cuộc chơi là những hoạt động tổng hợp, mang lại sự rèn luyện thể lực toàn diện, làm cho HS nhanh nhẹn hơn, khéo léo hơn và mạnh mẽ hơn. Trong khi chơi, các kỹ năng vận động cơ bản, tự nhiên như chạy, nhảy, ném, leo trèo, bò lăn, quay vòng... được các em sử dụng thường xuyên, nhờ vậy kích thích sự phát triển thể chất.

Hình thức và phương pháp tổ chức phong trào tập luyện TT ngoại khóa trong các trường tiểu học còn nghèo nàn do vậy kết quả học tập môn Thể dục và thể lực của học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên còn thấp. Đặc biệt việc tổ chức các TCVĐ trong chương trình ngoại khóa còn bộc lộ nhiều hạn chế; nguyên nhân có thể là do cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên thể dục còn thiếu và yếu, học sinh chưa được thoải mái vui chơi bằng những TCVĐ mà các em ưa thích. Đó chính là lí do chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: ***"Lựa chọn và ứng dụng trò chơi vận động trong giờ ngoại khóa cho học sinh tiểu học tỉnh Thái Nguyên".***

Mục đích nghiên cứu:

Trên cơ sở đánh giá thực trạng vấn đề nghiên cứu, đề tài tiến hành lựa chọn những TCVĐ phù hợp với đặc điểm, sở thích của người học và điều kiện cụ thể của nhà trường, sử dụng làm phương tiện tổ chức các hoạt động ngoại khóa ở trường đồng thời giúp HS có thể tự chơi, tự tổ chức hoạt động chơi của mình khi ở nhà. Từ đó góp phần phát triển thể chất cho HSTH nói riêng và nâng cao hiệu quả công tác GDTC của tỉnh Thái Nguyên nói chung.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

Nhiệm vụ 1: Đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất cho học sinh các trường tiểu học tỉnh Thái Nguyên.

Nhiệm vụ 2: Lựa chọn và ứng dụng trò chơi vận động trong giờ ngoại khóa cho học sinh tiểu học tỉnh Thái Nguyên.

2. Những đóng góp mới của luận án.

Kết quả nghiên cứu thực trạng công tác GDTC ở các trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cho thấy: 100% các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thực hiện đầy đủ các nội dung trong chương trình GDTC của Bộ

GD&ĐT qui định. Trình độ đào tạo của đội ngũ giáo viên GDTC bậc Tiểu học tỉnh Thái Nguyên còn thấp, đặc biệt vẫn còn một tỉ lệ không nhỏ số giáo viên là kiêm nhiệm. Cơ sở vật chất, sân bãi dụng cụ phục vụ công tác giảng dạy môn GDTC ở các trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên còn nhiều hạn chế cả về chất lượng và số lượng. Học sinh tiểu học của tỉnh có kết quả học tập môn học Thể dục và năng lực thể chất chủ yếu ở mức trung bình và trung bình khá. Mặt khác, thực trạng về năng lực thể chất của học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh có các chỉ số về chức năng và thể lực còn ở mức thấp so với kết quả điều tra thể chất nhân dân năm 2001 nhất là sức nhanh và sức bền.

Vấn đề sử dụng TCVĐ nhằm GDTC cho HSTH trong giờ ngoại khóa bước đầu đã được quan tâm trong các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, nhưng vấn đề cần phải sử dụng TCVĐ như thế nào để phát triển thể chất cho HS đảm bảo tính hiệu quả, mang tính hệ thống lại chưa được đề cập đến trên phương diện khoa học.

Luận án đã lựa chọn được 30 TCVĐ thuộc 5 nhóm rèn luyện kỹ năng nhằm phát triển thể chất cho HSTH trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và tiến hành tổ chức thực nghiệm các TCVĐ đã được lựa chọn trong thực tiễn. Kết quả, các TCVĐ được lựa chọn của luận án đã có hiệu quả trong việc phát triển hình thái, có tác dụng tốt trong việc phát triển chức năng cơ thể và thể lực, nâng cao kết quả học tập môn TD của học sinh nhóm thực nghiệm và quá trình thực nghiệm được giáo viên, phụ huynh học sinh đánh giá cao về hiệu quả tác động tích cực của nó.

3. Cấu trúc của luận án:

Luận án được trình bày trong 153 trang bao gồm phần: Phần mở đầu; Các nội dung chính của luận án: Chương 1: Tổng quan các vấn đề nghiên cứu (37 trang), Chương 2: Phương pháp và tổ chức nghiên cứu (14 trang), Chương 3: Kết quả nghiên cứu và bàn luận (95 trang); Phần kết luận và kiến nghị (2 trang). Trong luận án có 60 bảng, 17 biểu đồ. Ngoài ra, luận án đã sử dụng 83 tài liệu tham khảo trong đó có 75 tài liệu viết bằng tiếng Việt, 08 tài liệu tiếng Anh và phần phụ lục.

B. Nội dung của luận án:

Chương 1. TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về công tác Giáo dục thể chất và Thể thao trường học.

1.2. Những vấn đề cơ bản về giáo dục thể chất trong các trường tiểu học hiện nay.

1.3. Khái quát về trò chơi và trò chơi vận động.

1.4. Đặc điểm phát triển thể chất của học sinh tiểu học .

1.5. Các công trình nghiên cứu có liên quan.

Tóm tắt chương 1

Trò chơi vận động vừa là một phương tiện vừa là phương pháp tập luyện hữu hiệu nhằm phối hợp hoạt động một cách hữu cơ với việc rèn luyện thân

thể. Trò chơi vận động là một hình thức giáo dục thể chất được vận dụng rộng rãi trong nhà trường phổ thông, đặc biệt ở các lớp tiểu học.

Học sinh tiểu học là những chủ nhân tương lai của đất nước. Vì vậy việc chăm lo sức khỏe và công tác GDTC cần được quan tâm và đầu tư đúng hướng và có hiệu quả. Nghiên cứu sự phát triển thể chất và những ảnh hưởng của hoạt động ngoại khóa nói chung và đặc biệt là ảnh hưởng của TCVĐ nói riêng tới sự phát triển thể chất của HSTH rất cần được đầu tư và tiến hành một cách kịp thời, có chất lượng, trên cơ sở đó sẽ xây dựng chương trình GDTC và các tiêu chuẩn rèn luyện thân thể phù hợp với từng khu vực, địa phương.

Chương 2. PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, đề tài sử dụng các phương pháp: Phân tích và tổng hợp tài liệu; Phỏng vấn, tọa đàm; Quan sát sư phạm; Kiểm tra sư phạm; Kiểm tra y sinh; Thực nghiệm sư phạm và phương pháp toán học thống kê.

2.2. Tổ chức nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu là: Lựa chọn và ứng dụng TCVĐ trong giờ ngoại khóa cho HSTH tỉnh Thái Nguyên.
- Khách thể khảo sát:

+ Chuyên gia, giáo viên tiểu học với tổng số 157 người.

+ 3425 học sinh tiểu học (bao gồm 1837 học sinh nam và 1588 học sinh nữ) với 12 chỉ tiêu về hình thái và thể lực.

+ Phỏng vấn 1500 học sinh và 412 phụ huynh học sinh.

+ Khách thể thực nghiệm: Gồm 761 HS các lớp từ lớp 1 đến lớp 4 của 3 trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên , trong đó có 412 HS nhóm thực nghiệm và 349 HS nhóm đối chứng.

- Thời gian nghiên cứu: từ tháng 12/2014 đến tháng 12/2018.

Chương 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

3.1. Đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất ở các trường tiểu học của tỉnh Thái Nguyên.

3.1.1. Thực trạng dạy học chính khóa và hoạt động ngoại khóa môn Thể dục trong các trường tiểu học ở tỉnh Thái Nguyên.

3.1.1.1. Thực trạng dạy, học chính khóa môn Thể dục.

Thực trạng về nội dung dạy học môn Thể dục ở trường Tiểu học: Nội dung môn học Thể dục tại các trường tiểu học của tỉnh Thái Nguyên bao gồm: Đội hình, đội ngũ, bài thể dục phát triển chung, bài tập rèn luyện tư thế và kỹ năng vận động cơ bản, trò chơi vận động, môn thể thao tự chọn.

Thực trạng về chương trình môn học Thể dục (Bảng 3.1)

- Trò chơi vận động chiếm tỉ lệ từ 28.57% đến 42.86%; bài tập phát triển chung chiếm tỉ lệ từ 14.29% đến 22.86% đối với các khối lớp 2 đến lớp 5, riêng khối lớp 1 tỉ lệ này thấp hơn chiếm tỉ lệ 8.57% thay vào đó là các bài tập thể dục rèn luyện tư thế cơ bản chiếm tỉ lệ 28.57%. Bài tập đội hình đội ngũ từ

11.43% đến 17.14%, các nội dung còn lại là các bài tập nhảy dây, đá cầu hoặc các bài tập với dụng cụ và các môn thể thao tự chọn theo sở thích của học sinh.

Bảng 3.1. Thực trạng phân phối chương trình môn Thể dục ở các trường tiểu học của tỉnh Thái Nguyên

STT	Nội dung giảng dạy	Thời gian dạy học theo khối lớp									
		Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
		Số tiết	%	Số tiết	%	Số tiết	%	Số tiết	%	Số tiết	%
1	Trò chơi vận động	15	42.86	30	42.86	26	37.14	22	31.43	20	28.57
2	Đội hình đội ngũ	05	14.29	11	14.29	10	14.29	10	14.29	12	17.14
3	Thể dục rèn luyện tư thế cơ bản	10	28.57	09	12.86	08	11.43	06	8.57	06	8.57
4	Bài thể dục phát triển	03	8.57	10	14.29	16	22.86	14	20.00	14	20.00
5	Nhảy dây	-	-	-	-	08	11.42	04	5.71	04	5.71
6	Đá cầu hoặc bài tập với dụng cụ	-	-	08	11.42	-	-	04	5.71	04	5.71
7	Thể thao tự chọn	-	-	-	-	-	-	08	11.43	04	5.71
8	Kiểm tra, tổng kết	02	5.71	02	2.86	02	2.86	02	2.86	06	8.57
Tổng số		**35**	**100.00**	**70**	**100.00**	**70**	**100.00**	**70**	**100.00**	**70**	**100.00**

Bảng 3.3. Kết quả khảo sát về thực trạng giờ học chính khóa môn Thể dục và các yếu tố ảnh hưởng

	Nội dung phỏng vấn	Khối 1 (n = 300)		Khối 2 và 3 (n = 600)		Khối 4 và 5 (n = 600)		Chung (n = 1500)	
		n	%	n	%	n	%	n	%
1	Đánh giá giờ học chính khóa								
	Nâng cao sức khỏe	128	42.67	245	40.83	255	42.50	628	41.87
	Giờ học kém sôi động, nhàm chán.	236	78.67	484	80.67	296	49.33	1016	67.74
	Giờ học sôi động	161	53.67	321	53.50	354	59.00	836	55.73
	Thiếu sân bãi, dụng cụ tập luyện	175	58.33	462	77.00	412	68.67	1049	69.93
2	Yếu tố ảnh hưởng đến giờ học chính khóa								
	Điều kiện sân bãi	131	43.67	239	39.83	271	45.17	641	42.73
	Trình độ giáo viên	25	8.33	49	8.17	41	6.83	115	7.67
	Dụng cụ, trang thiết bị tập luyện	131	43.67	241	40.17	251	41.83	623	41.53
	Không trang bị đủ giầy, quần áo tập luyện	13	4.33	71	11.83	37	6.17	121	8.07

Về thực hiện chương trình: 100% các trường tiểu học ở tỉnh Thái Nguyên đều tiến hành dạy học theo đúng và đủ chương trình chuẩn do Bộ Giáo dục - Đào tạo ban hành, các khối lớp 2 đến lớp 5 đều có tổng quỹ thời gian của 1 năm học là 70 tiết/35 tuần, trung bình mỗi tuần có 02 tiết thể dục; riêng khối lớp 1 có quỹ thời gian của 1 năm học là 35 tiết/35 tuần, trung bình mỗi tuần 01 tiết thể dục.

Kết quả khảo sát thực trạng giờ học chính khóa và các yếu tố ảnh hưởng (bảng 3.3) cho thấy: Giờ học chính khóa giúp các em nâng cao nâng cao sức khỏe chiếm tỉ lệ 41.87%. Bên cạnh đó chỉ có 55.73% số học sinh đồng ý cho rằng giờ học thể dục sôi động và có đến 67.74% ý kiến học sinh cho rằng giờ học Thể dục kém sôi động và nhàm chán, ngoài ra có 69.93% ý kiến đánh giá cho rằng giờ học không đủ dụng cụ, sân bãi phục vụ cho quá trình tập luyện của học sinh trong khi đó yếu tố ảnh hưởng đến giờ học chính khóa chủ yếu là điều kiện sân bãi và dụng cụ tập luyện lần lượt chiếm 41.53% đến 42.73%.

3.1.1.2. Thực trạng hoạt động ngoại khóa môn Thể dục

Bảng 3.4. Thực trạng hoạt động thể thao ngoại khóa ở các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

STT	Huyện, thị	Thường xuyên	Tỉ lệ %	Không thường xuyên	Tỉ lệ %	Hình thức hoạt động
1	Đại Từ	0	0.00	8	24.24	Đội tuyển
2	Đồng Hỷ	0	0.00	10	38.46	Đội tuyển
3	Phú Bình	0	0.00	11	39.29	Đội tuyển
4	Võ Nhai	0	0.00	9	40.91	Đội tuyển
5	Thành phố Sông Công	0	0.00	5	41.67	Đội tuyển
6	Định Hóa	0	0.00	10	38.46	Đội tuyển
7	Thị xã Phổ Yên	0	0.00	9	32.14	Đội tuyển
8	Phú Lương	0	0.00	9	33.33	Đội tuyển
9	Thành phố Thái Nguyên	0	0.00	15	46.88	Đội tuyển
Tổng		**0**	**0.00**	**86**	**36.75**	

Các trường tiểu học của tỉnh phần lớn là hoạt động thể thao ngoại khóa không thường xuyên chiếm tỉ lệ 36.75% và hình thức hoạt động chủ yếu là đội tuyển, các hoạt động ngoại khoá ở các trường chỉ được tổ chức trước kỳ kiểm tra hoặc trước các cuộc thi đấu TDTT của trường hoặc cụm trường, việc làm này chưa thực sự kích thích sự phát triển phong trào TDTT trong đối tượng học sinh các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh vì vậy hiệu quả giáo dục thể chất còn thấp.

Thực trạng mức độ cần thiết của hoạt động thể thao ngoại khóa (Bảng 3.5) Việc thực hiện hoạt động TT ngoại khóa là rất cần thiết chiếm 80.00 %, cần thiết chiếm 14.40%, chỉ có 5.60% phân vân. Có 100.00% giáo viên được hỏi cho rằng nên tập luyện TDTT trong giờ ngoại khóa, có 15.20% giáo viên cho rằng có thể tập luyện trong giờ thể dục giữa giờ và 10.00% giáo viên cho rằng tập luyện trước giờ thể dục. Giáo viên ưu tiên vào lựa chọn môn đá cầu, cầu lông, cờ vua, võ thuật và trò chơi vận động để tập luyện ngoại khóa chiếm tỉ lệ từ 80.00% đến 94.00%.

Bảng 3.5. Kết quả khảo sát về mức độ cần thiết, hình thức và nội dung hoạt động thể thao ngoại khóa đối với học sinh tiểu học của tỉnh Thái Nguyên (n = 125)

STT	Nội dung	Ý kiến giáo viên	
		n	Tỉ lệ %
1	**Sự cần thiết tập luyện thể thao ngoại khóa:**		
	Rất cần thiết	100	80.00
	Cần Thiết	18	14.40
	Phân vân	07	5.60
2	**Hình thức tập luyện:**		
	Tập thể dục trước giờ	08	10.00
	Tập thể dục giữa giờ	19	15.20
	Tập luyện trong giờ ngoại khóa	125	100.00
3	**Nội dung tập luyện:**		
	Bóng bàn	44	35.20
	Bóng đá	63	50.40
	Bơi lội	62	49.60
	Cờ vua	100	80.00
	Cầu lông	100	80.00
	Đá cầu	118	94.40
	Trò chơi vận động	116	92.80
	Võ thuật	106	84.80

Thực trạng nhu cầu tập luyện thể thao ngoại khóa (Bảng 3.6) cho thấy: Chiếm tỉ lệ cao nhất là nội dung Trò chơi vận động sau đó đến Bóng đá và Võ thuật (chiếm tỉ lệ chung từ 10.90% đến 39.20%); nhóm thứ hai là các nội dung: Đá cầu, Cờ vua, Bơi lội (chiếm tỉ lệ chung từ 6.07% đến 8.13%). Chiếm tỉ lệ thấp hơn cả là các nội dung Bóng bàn và Cầu lông (từ 2.13% đến 4.67%).

3.1.2. Thực trạng đội ngũ giáo viên giảng dạy thể dục ở các trường tiểu học của tỉnh Thái Nguyên

Về số lượng giáo viên (Bảng 3.7): Trung bình trên toàn tỉnh mỗi trường có 1.10 giáo viên phụ trách dạy học thể dục và mỗi giáo viên tương ứng 366 học sinh. Tuy nhiên, ở 02 huyện Đại Từ và Định Hóa vẫn còn một số trường chưa có đủ số lượng giáo viên theo số lớp chiếm tỉ lệ 2.56%.

Về trình độ chuyên môn của đội ngũ giáo viên (Bảng 3.8): Số giáo viên chuyên trách có trình độ Đại học chiếm tỉ lệ 29.07% và dưới Đại học chiếm tỉ lệ 26.74%. Đây đều là những giáo viên được đào tạo chuyên ngành GDTC. Bên cạnh đó vẫn còn một tỉ lệ khá lớn đội ngũ giáo viên dạy Thể dục là giáo viên kiêm nhiệm chiếm tỉ lệ 44.19%. Số giáo viên "kiêm nhiệm" dạy Thể dục chủ yếu được đào tạo ngành Giáo dục tiểu học ở các trường Đại học và Cao đẳng thuộc khu vực phía Bắc.

Bảng 3.7. Thực trạng số lượng giáo viên Thể dục ở các trường tiểu học của tỉnh Thái Nguyên

STT	Huyện, thị	Tổng số trường	Tổng số lớp	Tổng số GV	Tổng số học sinh
1	Đại Từ	33	465	30	12.950
2	Đồng Hỷ	26	400	27	10.235
3	Phú Bình	28	452	28	12.012
4	Võ Nhai	22	330	26	5.306
5	TP.Sông Công	12	126	12	3.175
6	Định Hóa	26	327	23	6.843
7	TX. Phổ Yên	28	448	28	13.322
8	Phú Lương	27	354	35	9.123
9	TP. Thái Nguyên	32	589	49	21.675
Tổng		**234**	**3491**	**258**	**94.641**
Bình quân: 1.10 GV/1 trường; 1GV/366 HS					

Bảng 3.8. Thực trạng trình độ đào tạo của đội ngũ giáo viên tiểu học môn Thể dục ở các trường tiểu học của tỉnh Thái Nguyên

Huyện, Thị	Giáo viên chuyên trách					Giáo viên kiêm nhiệm					
	Tổng	Đại học		Dưới đại học		Tổng	Đại học		Dưới đại học		Ngành đào tạo
		n	%	n	%		n	%	n	%	
Đại Từ	10	7	23.33	3	10.00	20	9	30.00	11	36.67	GDTH
Đồng Hỷ	12	8	26.67	4	13.33	15	9	30.00	6	20.00	GDTH
Phú Bình	10	6	20.00	4	13.33	18	8	26.67	10	33.33	GDTH
Võ Nhai	9	5	16.67	4	13.33	17	9	30.00	8	26.67	GDTH
TP.Sông Công	12	8	26.67	4	13.33	0	0	0.00	0	0.00	
Định Hóa	9	3	10.00	6	20.00	14	8	26.67	6	20.00	GDTH
TX.Phổ Yên	18	9	30.00	9	30.00	10	9	30.00	1	3.33	GDTH
Phú Lương	19	9	30.00	10	33.33	16	10	33.33	6	20.00	GDTH
TP.Thái Nguyên	45	20	66.67	25	83.33	4	4	13.33	0	0.00	GDTH
Tổng	**144**	**75**	**29.07**	**69**	**26.74**	**114**	**66**	**25.58**	**48**	**18.61**	

3.1.3. Thực trạng sử dụng trò chơi vận động ở các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

3.1.3.1. Thực trạng nhận thức sử dụng trò chơi vận động cho học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Đánh giá về ưu thế sử dụng trò chơi vận động nhằm giáo dục thể chất cho học sinh tiểu học (Bảng 3.9): Có 94.40% giáo viên được hỏi khẳng định sử dụng TCVĐ có ưu thế cao trong GDTC cho HSTH, một tỉ lệ nhỏ giáo viên phân vân về ưu thế của TCVĐ chiếm 4.80% và chỉ có 0.8% ý kiến giáo viên được hỏi cho rằng TCVĐ không có ưu thế trong GDTC.

Nhận thức mục đích sử dụng trò chơi vận động trong giáo dục học sinh tiểu học.

Bảng 3.10. Thực trạng nhận thức của giáo viên về mục đích sử dụng trò chơi vận động trong giáo dục học sinh tiểu học (n=125)

STT	Mục đích	n	Tỷ lệ (%)
1	Tạo hứng thú cho học sinh để học tập tiết học Thể dục	92	73.60
2	Giáo dục tình cảm cho HS trong mối quan hệ bạn bè khi tham gia hoạt động trò chơi	13	10.40
3	Giúp các em HS phát triển hài hòa cơ thể một cách toàn diện	51	40.80
4	Góp phần phát triển những tố chất thể lực đặc trưng	56	44.80
5	Tạo cơ hội cho học sinh được rèn luyện những tố chất thể lực gắn với hành động trò chơi	74	59.20
6	Thỏa mãn nhu cầu vui chơi đồng thời giải quyết nhiệm vụ giáo dục thể chất cho học sinh thông qua sử dụng TC	83	66.40
7	Đa dạng hóa hình thức giáo dục thể chất ở trường tiểu học trên cơ sở nội dung chương trình môn Thể dục	36	28.80
8	Góp phần làm cho các bài tập thể chất trở nên rễ ràng thực hiện với các em học sinh	72	57.60
9	Kích thích, phát huy cao vai trò chủ thể tự giáo dục của các em HS trong quá trình rèn luyện các tố chất thể lực	41	32.80
$\overline{X}$			**46.04**

Sử dụng TCVĐ trong trường tiểu học nhằm các mục đích tạo hứng thú cho học sinh để học tập tiết học Thể dục chiếm 73.60%; mục đích thỏa mãn nhu cầu vui chơi đồng thời giải quyết nhiệm vụ giáo dục thể chất cho học sinh thông qua sử dụng TC chiếm 66.40%; sử dụng TCVĐ để đa dạng hóa hình thức giáo dục thể chất ở trường tiểu học trên cơ sở nội dung chương trình môn Thể dục chỉ có 28.90% ý kiến khẳng định đã từng tổ chức thực hiện. Nhìn chung các thông tin đưa ra khảo sát được đánh giá ở mức độ tương đối với tỉ lệ chọn TB là 46.04%.

Nhận thức về nội dung giáo dục thể chất thích hợp cho học sinh tiểu học qua sử dụng trò chơi vận động

Bảng 3.11. Thực trạng nhận thức của giáo viên về một số nội dung giáo dục thể chất thích hợp qua sử dụng trò chơi vận động (n=125)

STT	Nội dung	n	Tỉ lệ %
1	Hoàn thiện về mặt hình thái và chức năng của HS	90	72.00
2	Hình thành và phát triển các tố chất thể lực đặc trưng	89	71.20
3	Hình thành và củng cố các kỹ năng, kỹ xảo vận động cơ bản	116	92.80
4	Hình thành tinh thần trách nhiệm đối với công việc cá nhân	58	46.40
5	Giúp HS tập làm người lớn	81	64.80
6	Có hành động chơi thân thiện cùng bạn bè trong lớp	89	71.20
7	Rèn luyện khả năng sức lực, sự tập trung chú ý, trí thông minh và sự sáng tạo của các em	54	43.20
8	Làm phong phú tâm hồn của các em trong khi chơi, trong hoạt động	82	65.60

Có 92.80% GV thống nhất nội dung hình thành và củng cố các kỹ năng, kỹ xảo vận động cơ bản cho HSTH. Hoàn thiện về mặt hình thái và chức năng của HS (72.00%); có hành động chơi thân thiện cùng bạn bè trong lớp (71.20%)... Tuy nhiên nội dung rèn luyện khả năng sức lực, sự tập trung chú ý, trí thông minh và sự sáng tạo của các em lại không được đánh giá cao (43.20%).

*Nhận thức về hình thức sử dụng trò chơi vận động nhằm phát triển thể chất cho học sinh tiểu học trong các hoạt động giáo dục (*Bảng 3.12**):** Được đánh giá ở mức độ cao nhất là hình thức sử dụng TCVĐ trong tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí với điểm số là 125.75 xếp vị trí 1; xếp vị trí thứ 2 là hình thức Sử dụng TCVĐ trong tổ chức hoạt động GDNGLL (88.75 điểm). Sử dụng TCVĐ trong tổ chức hoạt động ngoại khóa môn Thể dục được xếp thứ bậc 3 với điểm số đạt 79.50 điểm. Đối với hình thức Sử dụng TCVĐ kết hợp hoạt động văn hoá, văn nghệ, sinh hoạt Đội, Sao thu được điểm số thấp hơn cả, xếp thứ bậc 4 trong số 4 hình thức được đưa ra đánh giá với 56.25 điểm.

3.1.3.2. Thực trạng sử dụng trò chơi vận động nhằm phát triển thể chất cho học sinh tiểu học tỉnh Thái Nguyên.

Thực trạng những nội dung giáo dục cho học sinh tiểu học qua sử dụng trò chơi vận động. Kết quả được trình bày ở bảng 3.13.

Bảng 3.13. Kết quả khảo sát về nội dung giáo dục cho HSTH qua sử dụng trò chơi vận động (n=125)

STT	Nội dung	n	Tỉ lệ %
1	Hoàn thiện về mặt hình thái và chức năng của HS	59	47.20
2	Hình thành và phát triển các tố chất thể lực đặc trưng	56	44.80
3	Hình thành và củng cố các kỹ năng, kỹ xảo vận động cơ bản	76	60.80
4	Hình thành tinh thần trách nhiệm đối với công việc cá nhân	38	30.40
5	Giúp HS tập làm người lớn	41	32.80
6	Có hành động chơi thân thiện cùng bạn bè trong lớp	49	39.20
7	Rèn luyện khả năng sức lực, sự tập trung chú ý, trí thông minh và sự sáng tạo của các em	54	43.20
8	Làm phong phú tâm hồn của các em trong khi chơi, trong hoạt động	69	55.20
$\overline{X}$			**44.20**

Tỉ lệ trung bình các ý kiến lựa chọn là 44.20% dao động trong khoảng từ 30.40% đến 60.80%. Nội dung được đánh giá ưu thế hơn cả là hình thành và củng cố các kỹ năng, kỹ xảo vận động cơ bản chiếm tỉ lệ 60.80%; làm phong phú tâm hồn của các em trong khi chơi, trong hoạt động chiếm tỉ lệ 55.20% và một số nội dung khác nữa cũng được hình thành cho học sinh thông qua sử dụng TCVĐ.

Thực trạng thời điểm sử dụng trò chơi vận động nhằm phát triển thể chất cho học sinh tiểu học tỉnh Thái Nguyên.

Có 41.60% giáo viên sử dụng TCVĐ vào thời điểm chuyển tiếp hoạt động trong tổ chức hoạt động dạy học trên tiết học. Có 33.60% GV sử dụng TCVĐ như là hoạt động khởi động cho các em HS. Có 24.80% giáo viên sử dụng TCVĐ để hình thành kĩ năng vận động cho HSTH.

Hứng thú của học sinh đối với các trò chơi vận động

Bảng 3.16. Kết quả khảo sát về hứng thú của học sinh tiểu học khi tham gia các chơi trò chơi vận động (n=510)

STT	Nội dung	n	Tỉ lệ %
1	HS cảm thấy rất vui vẻ, thoải mái khi được tham gia chơi các TCVĐ	467	91.57
2	HS cảm thấy hồi hộp mỗi khi tham gia chơi	151	29.61
3	HS cảm thấy lo lắng trước khi tham gia chơi các TCVĐ	48	9.41
4	Không có cảm giác gì đặc biệt	29	5.69
5	HS cảm thấy không thoải mái, không thích chơi	4	0.78

Số học sinh cảm thấy rất vui vẻ, thoải mái khi được tham gia chơi các TCVĐ là 91.57%, cảm thấy hồi hộp mỗi khi tham gia chơi là 29.61%. Số học sinh được hỏi cảm thấy lo lắng và không có cảm giác gì đặc biệt lần lượt là 9.41% và 5.69%. Chỉ có một số rất ít các em học sinh khi được hỏi cho rằng khi tham gia các TCVĐ cảm thấy không thoải mái, không thích chơi (0.78%).

Những khó khăn trong quá trình sử dụng trò chơi vận động nhằm phát triển thể chất cho học sinh tiểu học.

Bảng 3.17. Tổng hợp những khó khăn của giáo viên trong sử dụng trò chơi vận động cho học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (n=125)

STT	Khó khăn	n	Tỉ lệ %
1	Việc sử dụng TCVĐ trong giờ ngoại khóa nhằm phát triển thể chất cho HS chưa được quan tâm thỏa đáng.	73	58.40
2	Cơ sở vật chất trong các trường tiểu học còn hạn chế.	68	54.40
3	Tổ chức hoạt động GDNGLL không thống nhất và hệ thống.	40	32.00
4	Sử dụng TCVĐ trong giờ ngoại khóa ở trường tiểu học còn mang tính hình thức, phong trào.	58	46.40
5	Cán bộ quản lý, GV chưa quan tâm đến sử dụng TCVĐ trong giờ ngoại khóa như một hình thức giáo dục quan trọng.	27	21.60
6	Việc sử dụng TCVĐ chủ yếu là tổ chức trò chơi cho HS tham gia về hình thức tổ chức, chưa chú ý đến ý nghĩa, tác dụng của TCVĐ.	54	43.20
7	GV còn lúng túng trong xác định hình thức sử dụng TCVĐ để phát triển thể chất cho HS.	79	63.20
8	GV chưa đánh giá đúng trình độ thể lực của học sinh qua sử dụng TCVĐ.	59	47.20

Kết quả bảng 3.17 cho thấy: Khó khăn lớn nhất hiện nay là GV còn lúng túng trong xác định lựa chọn hình thức sử dụng TCVĐ nhằm phát triển thể chất cho HSTH (chiếm 63.20%); việc sử dụng TCVĐ trong giờ ngoại khóa nhằm

phát triển thể chất cho HS chưa được quan tâm thỏa đáng (chiếm 58.40%); Cơ sở vật chất tại các trường tiểu học còn hạn chế (54.40%) do đó dẫn đến thực trạng tổ chức sử dụng TCVĐ nhằm mục đích phát triển thể chất cho HSTH trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên còn gặp khó khăn. Những khó khăn còn lại chiếm tỉ lệ từ 21.60% đến 47.20%.

3.1.4. Thực trạng về cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giáo dục thể chất ở các trường tiểu học của tỉnh Thái Nguyên

Bảng 3.18. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ công tác giáo dục thể chất ở một số trường tiểu học của tỉnh Thái Nguyên (n=15)

STT	Sân bãi Dụng cụ	Số trường có	Số lượng	Tỉ lệ %	Chất lượng	Mức độ đáp ứng nhu cầu
1	Bể bơi thông minh	03/15	03	20.00	Tốt	Thấp
2	Sân đá cầu	15/15	24	100.00	Sân xi măng	Trung bình
3	Sân bóng đá mini	02/15	02	13.33	Sân đất	Thấp
5	Sân cầu lông	15/15	24	100.00	Sân xi măng	Trung bình
6	Sân tập thể dục	15/15	15	100.00	Sân xi măng, sân đất	Trung bình
7	Phòng học cờ vua	15/15	15	100.00	Phòng học	Trung bình
8	Đường chạy 60m	10/15	10	66.66	Sân xi măng, sân đất	Thấp
9	Hố nhảy cao, nhảy xa	8/15	8	53.33	Hố cát	Thấp
10	Nhà tập thể chất	02/15	02	13.33	Nhà cấp 4	Thấp
11	Dụng cụ	15/15	Thiếu	100.00	Trung bình	Thấp

Trong số 15 trường tiểu học được khảo sát tại các huyện, thị và thành phố chỉ có 02 trường có nhà tập thể chất chiếm tỉ lệ 13.33%, mức độ đáp ứng nhu cầu còn rất thấp, nhà cấp 4, chất lượng xuống cấp; 100% các trường tiểu học trong diện khảo sát trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đều có sân tập, phòng học tương đối đầy đủ nhưng mức độ đáp ứng nhu cầu của hệ thống sân tập chỉ đạt ở mức độ trung bình; có 02 trường có sân bóng đá mini chiếm tỉ lệ 13.33%, tuy nhiên, chất lượng sân chỉ là sân đất. Có 03 trường đã thiết kế tạo dựng được bể bơi thông minh ngay tại trường (chiếm tỉ lệ 20%).

- Có 10/15 trường trong diện khảo sát có đường chạy đảm bảo đủ 60m chiếm tỉ lệ 66.66% (với chất lượng là sân xi măng và sân đất); có 8/15 trường có quy hoạch và xây dựng hố nhảy xa và nhảy cao chiếm tỉ lệ 53.33%. Mức độ áp ứng còn thấp so với nhu cầu.

Đa số các trường được khảo sát có dụng cụ phục vụ cho tập luyện. Tuy nhiên còn thiếu khá nhiều, chất lượng các dụng cụ thì lại chỉ đạt mức trung bình, thậm chí còn kém chất lượng và cũ nát do sử dụng nhiều mà chưa được thay thay thế dụng cụ mới.

3.1.5. Thực trạng kết quả học tập môn học thể dục và năng lực thể chất của học sinh ở các trường tiểu học của tỉnh Thái Nguyên

3.1.5.1. Kết quả học tập môn Thể dục của học sinh ở một số trường tiểu học của tỉnh Thái Nguyên.

Bảng 3.19. Thực trạng kết quả học tập môn Thể dục của học sinh một số trường tiểu học ở tỉnh Thái Nguyên (n=3425)

STT	Kết quả đánh giá / Khối lớp	Hoàn thành tốt (A^+)		Hoàn thành (A)		Không hoàn thành (B)	
		n	Tỉ lệ %	n	Tỉ lệ %	n	Tỉ lệ %
1	Khối lớp 1 (n=653)	158	24.20	383	58.65	112	17.15
2	Khối lớp 2 (n= 697)	198	28.41	406	58.25	93	13.34
3	Khối lớp 3 (n=692)	183	26.44	397	57.37	112	16.18
4	Khối lớp 4 (n=723)	201	27.80	419	57.95	103	14.25
5	Khối lớp 5 (n=660)	167	25.30	397	60.15	96	14.55

Kết quả xếp loại học tập môn thể dục của học sinh tiểu học ở tỉnh Thái Nguyên là tương đối đồng đều nhau ở tất cả các khối từ khối lớp 1 đến khối lớp 5. Số học sinh xếp loại hoàn thành A chiếm tỉ lệ cao (từ 57.37% đến 60.15%), chiếm tỉ lệ thấp hơn là số học sinh xếp loại hoàn thành tốt A^+ (từ 24.20% đến 28.41%), trong khi đó vẫn còn một tỉ lệ không nhỏ số học sinh xếp loại chưa hoàn thành B (từ 13.34% đến 17.15%).

3.1.5.2. Thực trạng năng lực thể chất của học sinh ở một số trường tiểu học của tỉnh Thái Nguyên.

Kết quả khảo sát được trình bày ở các bảng 3.21 đến 3.25 của luận án. Kết quả khảo sát cho thấy:

Về hình thái và chức năng

Học sinh tiểu học nam và nữ có chiều cao phát triển bình thường và tương đối đồng đều ở các lứa tuổi (Cv < 10%) nhưng cân nặng và các chỉ số khối cơ thể lại không đồng đều ở các lứa tuổi (Cv >10%). So với số liệu điều tra thể chất người Việt Nam cùng độ tuổi thì học sinh nam và nữ tỉnh Thái Nguyên cao và nặng hơn hơn ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$.

- Chỉ số công năng tim của HSTH tỉnh Thái Nguyên nằm trong giới hạn sinh lý của người Việt Nam cùng lứa tuổi nhưng kém hơn so với kết quả điều tra thể chất người Việt Nam năm 2001.

Về tố chất thể lực

Các tố chất thể lực phát triển tương đối đồng đều ở các chỉ tiêu như: Lực bóp tay thuận (kg), chạy con thoi 4x10m (s), chạy 30m XPC (s) ở các độ tuổi từ lớp 1 đến lớp 5 (Cv < 10%). Chỉ tiêu bật xa tại chỗ (m) phát triển khá đồng đều ở các lứa tuổi lớp 4 và lớp 5. Khi so sánh với kết quả điều tra thể chất người Việt Nam năm 2001 thì cho thấy hầu hết các chỉ tiêu thể lực chung của HSTH tỉnh Thái Nguyên đều có sự khác biệt và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê, thể hiện ở $t_{tính} > t_{bảng}$ ở ngưỡng $P<0.05$. Tuy nhiên ở các chỉ tiêu

chạy 30m XPC (s), bật xa tại chỗ (m) và chạy tùy sức 5 phút (s) về cơ bản thì lại kém hơn ở các độ tuổi.

Kết quả đánh giá, xếp loại thể lực từng chỉ tiêu của học sinh tiểu học tỉnh Thái Nguyên theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể (Bảng 3.26).

Đa số học sinh xếp loại thể lực ở mức đạt. Tỷ lệ học sinh đạt trình độ thể lực loại tốt ở nam cao nhất là ở chỉ tiêu lực bóp tay thuận (kg) chiếm 35.51% và ở nữ là chỉ tiêu Nằm ngửa gập bụng (số lần/30s) chiếm tỉ lệ 31.68%. Kết quả kiểm tra cho thấy, tỷ lệ HSTH nam và nữ tỉnh Thái Nguyên không đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể cao chủ yếu ở các chỉ tiêu đánh giá sức bền (chạy 5 phút tùy sức (m)) và sức nhanh (chạy 30m XPC (s)), các chỉ tiêu khác tỷ lệ đạt cao hơn.

3.1.6. Bàn luận về kết quả nghiên cứu nhiệm vụ 1

3.1.6.1. Về thực trạng dạy học chính khóa và hoạt động ngoại khóa môn Thể dục ở các trường tiểu học của tỉnh Thái Nguyên

Kết quả khảo sát thực trạng cho thấy, chất lượng giờ thể dục còn thấp đặc biệt thiếu tác dụng rèn luyện thân thể cho học sinh tiểu học. Mặt khác, do thời gian học chính khóa với 02 tiết thể dục/ tuần (đối với học sinh các khối lớp 2 đến 5) và 01 tiết thể dục/tuần (đối với học sinh khối lớp 1) là chưa đủ để hoạt động TDTT mang lại hiệu quả cho học sinh.

Các hoạt động TT ngoại khóa còn mang tính phong trào, chưa chú trọng vào việc rèn luyện kỹ năng, thói quen luyện tập thể thao thường xuyên của số đông học sinh, còn thiếu kế hoạch, thiếu tổ chức chặt chẽ và kém phát triển trong các trường tiểu học. Phong trào tập luyện để đạt tiêu chuẩn "thể lực" theo quyết định 53/2008/BGD – ĐT cho học sinh còn yếu, chưa đồng bộ, chưa trở thành quy định bắt buộc đối với học sinh. Hình thức tổ chức phong trào tập luyện TT ngoại khóa trong các trường tiểu học còn nghèo nàn hình thức chủ yếu là đội tuyển, nguyên nhân chủ yếu là do nhận thức của nhà trường, phụ huynh và bản thân học sinh chưa cao.

3.1.6.2. Về thực trạng các yếu tố và điều kiện đảm bảo cho công tác giáo dục thể chất ở các trường tiểu học của tỉnh Thái Nguyên

Giáo viên tiểu học dạy thể dục trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hiện nay không chỉ thiếu về số lượng mà còn yếu về chất lượng. Đây là thực trạng chung và cũng là vấn đề cần khắc phục để nâng cao hiệu quả giáo dục nói chung và nâng cao hiệu quả công tác GDTC nói riêng cho học sinh các trường Tiểu học ở tỉnh Thái Nguyên.

Bên cạnh việc sử dụng lực lượng giáo viên kiêm nhiệm nhiều, việc giáo viên không được tham gia bồi dưỡng, chuẩn hóa trình độ, cập nhật các kiến thức mới… cũng là vấn đề cần được quan tâm, chú ý và là vấn đề ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng GDTC trong các Trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Công tác GDTC trong các trường tiểu học đã được quan tâm, tuy nhiên do những đặc điểm và các điều kiện khách quan, việc quan tâm đầu tư cho công tác này vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt là vấn đề nguồn nhân lực

- Về cơ sở vật chất: cơ sở vật chất phục vụ cho công tác GDTC ở các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã được cải thiện, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng nhu cầu phát triển của giáo dục. Ở hầu hết các trường cơ sở vật chất phục vụ GDTC mới chỉ đáp ứng ở mức độ trung bình và thấp nếu so sánh với quy định từ 3.5m^2 tới 4m^2 sân tập luyện /học sinh. Các phương tiện khác phục vụ cho vui chơi giải trí và hoạt động ngoại khóa thì hầu hết các trường đều không có hoặc nếu có thì cũng rất cũ nát, kém chất lượng không đảm bảo an toàn cho tập luyện.

3.1.6.3. Về thực trạng sử dụng trò chơi vận động ở các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Thực tế cho thấy, việc đưa trò chơi vận động vào trường học mang nhiều ý nghĩa thiết thực. Phần lớn các trò chơi vận động đều góp phần rèn luyện sức khỏe, kỹ năng ứng xử hợp lý với các tình huống khác nhau trong cuộc sống, thói quen làm việc theo nhóm. Phần lớn trò chơi vận động thường khá đơn giản, không tốn kém, không đòi hỏi nhiều kinh phí mua sắm dụng cụ học sinh lại hứng thú trong lúc chơi. Tuy nhiên, từ thực tế cho thấy, không ít trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên còn gặp nhiều lúng túng trong việc đưa trò chơi vận động vào các hoạt động ngoại khóa của nhà trường do những khó khăn như: Không gian, thời gian chơi, cách thức tổ chức các trò chơi, chơi như thế nào để vừa vui chơi lành mạnh, vừa đảm bảo an toàn cho học sinh.

Trường tiểu học chưa khai thác được nội dung GDTC ưu thế qua sử dụng TCVĐ. Giáo dục thể chất trong nhà trường cần linh hoạt hóa về hình thức tổ chức thực hiện và vấn đề sử dụng TCVĐ trong giờ ngoại khóa nhằm GDTC cho học sinh là một trong những hướng tiếp cận phù hợp với định hướng trên, tạo sự linh hoạt về hình thức và phương pháp GDTC trong trường tiểu học.

3.1.6.4. Thực trạng kết quả học tập môn Thể dục và năng lực thể chất của học sinh ở các trường tiểu học của tỉnh Thái Nguyên

Trên thực tế hiện nay, tầm vóc và thể lực của học sinh, sinh viên Việt Nam còn hạn chế so với các nước trong khu vực, thiếu và yếu kỹ năng tập luyện thể thao, chăm sóc sức khỏe, phòng tránh tai nạn thương tích. Những năm qua, công tác giáo dục thể chất, TDTT trong trường học chưa tương xứng với vị trí, vai trò, hiệu quả hoạt động chưa cao.

Chỉ số chiều cao và cân nặng có liên quan rất nhiều đến đời sống vật chất (chế độ dinh dưỡng) và hoạt động cơ bắp thích hợp với lứa tuổi. Chiều cao con người phản ánh kết quả chất lượng xã hội. Thông số này có ý nghĩa xác thực hơn các thông số về tổng sản phẩm quốc gia, thu nhập đầu người, mức lương. Có lẽ sự hạn chế về hình thái của học sinh tiểu học là một trong những nguyên nhân dẫn đến hạn chế kết quả học tập môn Thể dục.

Quá trình phát triển thể chất của HSTH tỉnh Thái Nguyên về cơ bản hợp với quy luật chung và phản ánh tác động tích cực của thành tựu đổi mới kinh tế - xã hội của nước ta. Học sinh tiểu học tỉnh Thái Nguyên tuy có khá hơn so với trẻ em Việt Nam cùng tuổi về hình thái và chức năng, nhưng thể lực chưa được

nâng lên đáng kể. Đặc biệt vẫn còn kém hơn kết quả điều tra thể chất người Việt Nam cùng độ tuổi năm 2001 về sức nhanh và sức bền. Kết qủa khảo sát cho thấy, hiệu quả của công tác giáo dục thể chất trong các trường tiểu học còn nhiều hạn chế, yếu kém, nên kết quả học tập chưa đạt chất lượng cao, năng lực thể chất còn yếu.

Tóm tắt kết quả khảo sát về thực trạng:

Các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thực hiện đầy đủ các nội dung trong chương trình GDTC của Bộ GD&ĐT qui định. Đội ngũ giáo viên GDTC bậc Tiểu học tỉnh Thái Nguyên yếu và thiếu, đặc biệt vẫn còn một tỉ lệ không nhỏ số giáo viên là kiêm nhiệm. Cơ sở vật chất, sân bãi dụng cụ phục vụ công tác giảng dạy môn GDTC ở các trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên còn nhiều hạn chế cả về chất lượng và số lượng.

Học sinh nam và nữ các lớp ở bậc tiểu học của tỉnh có kết quả học tập môn học Thể dục và năng lực thể chất chủ yếu ở mức trung bình và trung bình khá so với kết qủa điều tra thể chất nhân dân năm 2001 của Viện khoa học TDTT cũng như so với tiêu chuẩn xếp loại thể lực chung của Bộ GD&ĐT đặc biệt các chỉ số về chức năng và thể lực còn ở mức thấp so với kết quả điều tra thể chất nhân dân năm 2001 nhất là sức nhanh và sức bền.

Sử dụng TCVĐ nhằm GDTC cho HSTH cần phải được tiến hành một cách có hệ thống, có kế hoạch phù hợp mục tiêu và nhiệm vụ giáo dục, cần thiết phải biết cách lựa chọn các TCVĐ phù hợp với lứa tuổi và sử dụng TCVĐ đó nhằm phát triển thể chất cho HSTH đồng thời tổ chức ứng dụng hệ thống các TCVĐ đó trong giờ ngoại khóa ở các trường tiểu học.

3.2. Lựa chọn và ứng dụng trò chơi vận động trong giờ ngoại khóa cho học sinh tiểu học tỉnh Thái Nguyên

3.2.1. Lựa chọn trò chơi vận động trong giờ ngoại khóa cho học sinh các trường tiểu học tỉnh Thái Nguyên.

3.2.1.1. Cơ sở và nguyên tắc lựa chọn trò chơi vận động trong giờ ngoại khóa cho học sinh tiểu học tỉnh Thái Nguyên

Cơ sở lựa chọn TCVĐ:

- Quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác GDTC và Thể thao trường học.
- Đặc điểm công tác GDTC trong các trường tiểu học tại Việt Nam; Chương trình môn học Thể dục của học sinh tiểu học theo quy định của Bộ GD&ĐT; Quỹ thời gian và thời khóa biểu trong các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Đặc điểm tâm – sinh lý của HSTH. Đặc biệt về đặc điểm, vai trò và ý nghĩa của TCVĐ đối với học sinh tiểu học.
- Căn cứ vào kết quả các công trình nghiên cứu có liên quan tới lĩnh vực GDTC, TT trường học cũng như phát triển thể chất cho học sinh trong trường học các cấp.

- Thực trạng giảng dạy chính khóa và hoạt động ngoại khóa môn Thể dục của học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh; thực trạng đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất; thực trạng kết quả học tập môn Thể dục và năng lực thể chất của học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; đặc biệt là thực trạng sử dụng TCVĐ ở các trường tiểu học của tỉnh Thái Nguyên;

Các nguyên tắc tuân thủ khi lựa chọn trò chơi vận động: Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn, Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi, Nguyên tắc đảm bảo sự phát triển, Nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp đối tượng giáo dục.

3.2.1.2. Lựa chọn trò chơi vận động trong giờ ngoại khóa cho học sinh tiểu học tỉnh Thái Nguyên

Để đảm bảo cơ sở khoa học cho việc lựa chọn các TCVĐ, đề tài tiến hành phỏng vấn 2 lần các chuyên gia, giáo viên giỏi giảng dạy lâu năm và giàu kinh nghiệm. Chúng tôi đã gợi ý những TCVĐ phù hợp, sát thực với đặc điểm tâm sinh lý, phù hợp với năng lực của giáo viên, học sinh và các điều kiện, dạy học hiện có.

Dựa trên kết quả thu được nhằm xác định mức độ đồng nhất và mức độ tin cậy giữa kết quả của 2 lần phỏng vấn. Luận án tiến hành xác định tiêu chuẩn Wilcoson qua các TCVĐ được lựa chọn cho HSTH từ lớp 1 đến lớp 4 đã xác định. Kết quả thu được trình bày tại bảng 3.31.

Bảng 3.31. Giá trị chỉ số Wilcoson qua 2 lần phỏng vấn lựa chọn trò chơi vận động trong giờ ngoại khóa cho học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

STT	TCVĐ theo lớp	T	W_α
1	Lớp 1 (6 tuổi)	**392.50**	**317.48**
2	Lớp 2 (7 tuổi)	**370.50**	**281.12**
3	Lớp 3 (8 tuổi)	**328**	**299.03**
4	Lớp 4 (9 tuổi)	**356**	**336.47**

Ở mức giá trị $\alpha = 0.05$ thì giá trị $\mathbf{T} > \mathbf{W\alpha}$, điều đó chứng tỏ kết quả giữa kết quả 2 lần phỏng vấn các chuyên gia và giáo viên đều có sự đồng nhất về ý kiến lựa chọn TCVĐ phù hợp với lứa tuổi, đặc điểm đối tượng và điều kiện thực tế để ứng dụng trong giờ ngoại khóa cho HSTH trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Từ những kết quả nghiên cứu trên luận án đã xác định được 30 TCVĐ ứng dụng trong giờ ngoại khóa cho HSTH tỉnh Thái Nguyên. Cụ thể:

Nhóm 1. Trò chơi rèn luyện khéo léo, thăng bằng và định hướng trong không gian: Bịt mắt bắt dê; Tâng cầu; Làm theo hiệu lệnh; Ai giỏi hơn ai; Chọi gà; Chơi với vòng.

Nhóm 2. Trò chơi rèn luyện kỹ năng đi,chạy và phát triển sức nhanh: Tiếp sức con thoi; Chạy với chong chóng; Giành cờ chiến thắng; Sẵn sàng chờ lệnh; Thả đỉa ba ba; Rồng rắn.

Nhóm 3. Trò chơi rèn luyện kỹ năng bật nhảy và phát triển sức mạnh chân: Gà đuổi cóc; Ếch nhảy; Lò cò tiếp sức; Tránh bóng; Nhảy dây; Nhảy ô.

Nhóm 4. Trò chơi rèn luyện kỹ năng ném, mang vác, co kéo và phát triển sức mạnh tay ngực: Cưỡi ngựa tung bóng; Ném còn; Ai kéo khỏe; Ném trúng đích; Tung bóng cho nhau; Kéo cưa lừa xẻ.

Nhóm 5. Trò chơi rèn luyện kỹ năng phối hợp vận động và phát triển sức bền: Chuyển đồ vật; Ai nhanh và khéo hơn; Chuyền nhanh, nhảy nhanh; Chồng đống chồng đe; Trồng nụ trồng hoa; Nhảy từ trên cao xuống.

3.2.2. Xác định hình thức và phương pháp sử dụng các trò chơi vận động được lựa chọn trong giờ ngoại khóa cho học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

3.2.2.1. Hình thức sử dụng trò chơi vận động nhằm phát triển thể chất cho học sinh tiểu học.

Sử dụng trò chơi vận động dưới hình thức tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

Quá trình sử dụng TCVĐ trong tổ chức hoạt động GDNGLL cho HSTH nhóm thực nghiệm đã được luận án vận dụng theo ba hướng:

Hướng thứ nhất, giáo viên tổ chức cho các em học sinh được tham gia chơi các TCVĐ vào những nội dung vui chơi mang tính chất tập thể như trong giờ thể dục giữa giờ hoặc trong giờ giải lao giữa buổi học.

Hướng thứ hai, giáo viên tổ chức thực hiện hoạt động GDNGLL với thời lượng 2 tiết/ tuần theo hình thức hoạt động vui chơi, trong đó TCVĐ là một phương tiện cấu thành của hình thức tổ chức, thông qua đó thực hiện mục tiêu hoạt động GDNGLL.

Hướng thứ ba, giáo viên hướng dẫn học sinh cách thức vận dụng TCVĐ để có thể tự tổ chức, tự chơi và tự đánh giá hoạt động chơi của mình khi ở nhà, khu dân cư với các trò chơi cá nhân hoặc với nhóm bạn.

Sử dụng trò chơi vận động trong hoạt động ngoại khóa môn Thể dục

Hoạt động ngoại khóa trong trường tiểu học được thiết kế dưới hình thức thi tìm hiểu, hoạt động theo nhóm, hội vui học tập, hoạt động theo chủ đề…Căn cứ vào mục đích và nội dung giáo dục thể chất, thiết kế sử dụng TCVĐ dưới hình thức tổ chức hoạt động ngoại khóa cho phù hợp nhằm chuyển tải nội dung giáo dục thể chất cho HS.

Cụ thể trong quá trình thực nghiệm của luận án, căn cứ vào thời khóa biểu của HSTH các trường thực nghiệm, được sự đồng ý của Ban Giám hiệu nhà trường và đặc biệt được sự đồng ý của các em học sinh cũng như sự cho phép của phụ huynh học sinh các lớp thực nghiệm, chúng tôi đã tiến hành tổ chức thực nghiệm các TCVĐ đã được lựa chọn vào các buổi chiều thứ 6 hàng tuần vì đây là thời gian HSTH được nghỉ buổi chiều, các ngày còn lại các em đều học kín lịch cả ngày.

3.2.2.2. Phương pháp sử dụng các trò chơi vận động được lựa chọn trong giờ ngoại khóa cho học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Xây dựng quy trình sử dụng trò chơi vận động trong giờ ngoại khóa nhằm phát triển thể chất cho học sinh tiểu học

Quy trình sử dụng TCVĐ nhằm giáo dục thể chất cho HSTH bao gồm các bước:

Bước 1. Xác định mục tiêu giáo dục thể chất cho học sinh tiểu học

Bước 2. Tích hợp mục tiêu giáo dục thể chất với mục tiêu sử dụng trò chơi vận động

Bước 3. Xác định nội dung giáo dục thể chất, lựa chọn trò chơi vận động phù hợp để khai thác sử dụng.

Bước 4. Thiết kế hoạt động có sử dụng trò chơi vận động.

Bước 5. Tổ chức thực hiện.

Bước 6. Đánh giá kết quả

3.2.3. Ứng dụng các trò chơi vận động được lựa chọn trong giờ ngoại khóa nhằm phát triển thể chất cho học sinh tiểu học và đánh giá hiệu quả .

Tiến trình thực nghiệm

Giai đoạn 1: Chuẩn bị.

Bước 1: Xây dựng tài liệu, thiết kế sử dụng trò chơi vận động để thực nghiệm.

Bước 2: Lựa chọn mẫu thực nghiệm và đối chứng.

Bước 3: Tập huấn giáo viên.

Giai đoạn 2: Tổ chức thực nghiệm sư phạm.

Bước 1: Kiểm tra các điều kiện cần thiết phục vụ quá trình thực nghiệm

Kiểm tra, đánh giá đối tượng trước thực nghiệm: Kết quả kiểm tra thu được trình bày từ các bảng 3.33 đến 3.36 được cho thấy: Trước thực nghiệm, tình trạng thể chất của học sinh các lớp từ lớp 1 đến lớp 4 nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm trên cả đối tượng nam và nữ đều thu được kết quả $t_{tính} < t_{bảng}$ ở ngưỡng $P > 0.05$, có nghĩa là trước thực nghiệm, tình trạng thể chất của học sinh nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm là tương đương nhau, hay sự phân nhóm hoàn toàn khách quan, đảm bảo yêu cầu tổ chức thực nghiệm.

Bước 2: Tổ chức thực nghiệm

Bước 3: Kiểm tra, đánh giá kết quả thực nghiệm. Cụ thể:

Về sự phát triển năng lực thể chất của khách thể nghiên cứu sau thực nghiệm: Kết quả được trình bày ở các bảng từ bảng 3.37 đến bảng 3.40 cho thấy:

Năng lực thể chất của nhóm thực nghiệm hơn hẳn nhóm đối chứng ở tất cả các chỉ tiêu kiểm tra, sự khác biệt thể hiện $t_{tính} > t_{bảng}=1.960$ ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$. Như vậy, có thể thấy việc ứng dụng các TCVĐ mà đề tài đã lựa chọn trong giờ ngoại khóa đã tác động tích cực đến sự phát triển thể chất của học sinh tiểu học.

Sự tăng trưởng thể chất của nam, nữ học sinh tiểu học ở các khối lớp sau thực nghiệm: Kết quả được trình bày các qua bảng từ 3.41 đến bảng 3.48 và các biểu đồ từ 3.1 đến biểu đồ 3.8 cho thấy: Sau 1 năm học thực nghiệm, năng lực thể chất của nhóm chứng và nhóm thực nghiệm đều có nhịp tăng trưởng, tuy nhiên, nhóm thực nghiệm có sự tăng trưởng đáng kể ở đa số các chỉ tiêu kiểm tra và tăng cao hơn hẳn nhóm đối chứng, chứng tỏ các TCVĐ đã được

lựa chọn và ứng dụng của luận án đã có hiệu quả cao trong việc phát triển thể chất cho học sinh nhóm thực nghiệm.

Về kết quả xếp loại thể lực học sinh theo và kết quả học tập năm học 2015 – 2016 của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng*:* Kết quả được trình bày các qua bảng từ 3.49 đến bảng 3.52 và các biểu đồ từ 3.9 đến biểu đồ 3.12 cho thấy: Kết quả học tập môn Thể dục của 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm sau 1 năm học thực nghiệm cũng cho kết quả khác biệt nhau rõ rệt. Số học sinh có kết quả xếp loại môn Thể dục ở mức hoàn thành tốt và hoàn thành của nhóm thực nghiệm cao hơn hẳn nhóm đối chứng, sự khác biệt này với $\chi^2_{tính} > \chi^2_{bảng}$ ở ngưỡng xác suất $P < 0.01$ và $P < 0.05$.

Về các chỉ tiêu hỗ trợ:

Đánh giá của HS đối với việc sử dụng TCVĐ nhằm giáo dục thể chất (quá trình đánh giá có sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh):

Bảng 3.57. Kết quả khảo sát đánh giá của học sinh đối với hoạt động trò chơi vận động (n = 412)

STT	Nội dung	Ý kiến (%)		
		Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
1	Cần cố gắng hết sức khi tham gia các TCVĐ	96.35	3.65	0.00
2	Hoạt động TCVĐ luôn có sức hấp dẫn đối với em	91.97	7.30	0.73
3	Đoàn kết với bạn bè là một phẩm chất rất cần thiết trong quá trình tham gia hoạt động có sử dụng TCVĐ	81.75	0.00	18.25
4	Cần thiết phạm luật để chiến thắng trong một trò chơi	2.43	12.65	84.91
5	Tham gia vào những hoạt động TCVĐ học sinh phải có ý thức rèn luyện bản thân để góp phần vào chiến thắng của đội.	92.94	2.92	4.14
6	Cần trung thực và nghiêm khắc phản đối việc phạm luật của một số bạn trong khi vui chơi.	89.54	9.73	0.73
7	Cần phải thân thiện trong quá trình vui chơi với tất cả bạn bè, người xung quanh	79.81	13.38	6.813
8	Em không học được điều gì qua các TCVĐ	0.00	6.81	93.19
9	Tham gia vào các TCVĐ mang lại cho em một sức khỏe tốt hơn, tập trung học tập tốt hơn, nhanh nhẹn và hoạt bát hơn. Cảm giác hạnh phúc, sống thật với cảm xúc của mình	98.54	1.46	0.00
10	Mỗi học sinh có trách nhiệm trong việc rèn luyện những kỹ năng vận động cơ bản cho bản thân và rèn luyện một sức khỏe tốt.	91.48	4.87	3.65
11	Cần phải rèn luyện những tố chất thể lực cơ bản và phẩm chất tốt đẹp trong mọi hoạt động	94.40	3.65	1.95

"Tham gia vào các TCVĐ mang lại cho em một sức khỏe tốt hơn, tập trung học tập tốt hơn, nhanh nhẹn và hoạt bát hơn. Cảm giác hạnh phúc, sống thật với cảm xúc của mình" được 98.54% học sinh đồng ý và 1.46% phân vân lưỡng lự. Các em cho rằng cần phải cần cố gắng hết sức khi tham gia các

TCVĐ (96.35% học sinh đồng ý, 3.65% học sinh phân vân); có 94.40% các em cho rằng cần phải rèn luyện những tố chất thể lực cơ bản và phẩm chất tốt đẹp trong mọi hoạt động, 3.65% học sinh phân vân và 1.95% học sinh không đồng ý; có 93.19% học sinh không đồng ý với nhận định "Không học được gì qua các TCVĐ".

Hứng thú của học sinh khi tham gia hoạt động thực nghiệm sử dụng trò chơi vận động.

Các hoạt động thực nghiệm đều được các em học sinh hưởng ứng cao, thể hiện ở tính tích cực tham gia của các em vào trong quá trình thực hiện và tổ chức. Chỉ có 2.43 % học sinh thể hiện hứng thú ở mức độ trung bình khi tham gia vào hoạt động sử dụng TCVĐ trong tổ chức hoạt động ngoại khóa môn Thể dục.

Bảng 3.58. Hứng thú của học sinh khi tham gia hoạt động thực nghiệm (n = 412)

STT	Hứng thú / Hoạt động	Rất thích		Thích		Bình thường		Không thích	
		n	Tỉ lệ %	n	Tỉ lệ %	n	Tỉ lệ %	n	Tỉ lệ %
1	Sử dụng TCVĐ trong tổ chức hoạt động ngoại khóa môn Thể dục.	340	82.73	61	14.84	10	2.43	0	0.00
2	Sử dụng TCVĐ trong tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.	355	86.37	53	12.90	3	0.73	0	0.00

Đánh giá của giáo viên về quá trình thực nghiệm của học sinh: Kết quả thu được trình bày ở bảng 3.59.

100% giáo viên đều cho rằng các em rất tích cực tham gia hoạt động thực nghiệm, ở các em có sự chuyển biến rõ rệt về sự phát triển thể chất, kết quả học tập và nhận thức trong quá trình tập luyện, 100% giáo viên cho rằng tác động của TCVĐ đối với học sinh giúp cho giờ học hấp dẫn hơn và lớp học thân thiện hơn, 83.33% giáo viên cho rằng học sinh nhóm thực nghiệm tiếp thu bài học trên lớp tốt hơn và lớp học thân thiện hơn.

Đánh giá của phụ huynh học sinh về quá trình thực nghiệm: Kết quả được trình bày ở bảng 3.60.

Có 89.54% quý vị phụ huynh mong muốn con em mình sau khi tham gia học tập trong giờ chính khóa thì cần được tham gia vào các TCVĐ trong giờ ngoại khóa, chỉ có một số ít phụ huynh cho rằng nên chơi các trò chơi học tập trong giờ ngoại khóa chiếm tỉ lệ 10.46%. Có đến 89.05% quý vị phụ huynh được hỏi cho rằng con cháu của họ khi ở nhà thường tổ chức chơi các TCVĐ của chương trình thực nghiệm. Điều này đã cho thấy hiệu quả của quá trình thực nghiệm theo hướng thứ ba trong tổ chức hoạt động GDNGLL đã mang lại hiệu quả thiết thực.

Bảng 3.60. Kết quả phỏng vấn phụ huynh học sinh nhóm thực nghiệm về quá trình ứng dụng trò chơi vận động cho học sinh tiểu học (n = 412)

STT	Nội dung phỏng vấn	Ý kiến	
		n	Tỉ lệ %
1	Những biểu hiện gần đây của con, cháu quý vị phụ huynh:		
	Ăn khỏe hơn	378	91.97
	Ngủ tốt hơn	352	85.64
	Cao lớn và khỏe mạnh hơn	401	97.57
	Nhanh nhẹn, hoạt bát hơn	389	94.65
	Tập trung học tập tốt hơn	336	81.75
	Bình thường	71	17.27
2	Quan điểm của quý vị về việc học tập và hoạt động vận động vui chơi của con em mình.		
	Quan trọng như nhau	336	81.75
	Học tập quan trọng hơn	65	15.82
	Vận động vui chơi quan trọng hơn	10	2.43
	Việc tập luyện thể dục thể thao thường xuyên giúp cho trẻ phát triển toàn diện về đạo đức, tác phong, trí tuệ và thể chất.		
	Đồng ý	405	98.54
	Không đồng ý	0	0.00
	Phân vân	6	1.46
	Quý vị mong muốn con em mình được chơi những trò chơi nào sau đây trong giờ ngoại khóa ở trường học		
	Các trò chơi trên máy vi tính	0	0.00
	Các trò chơi vận động	366	89.05
	Các trò chơi học tập	45	10.95
	Ở nhà con, cháu của quý vị có thường hay chơi các TCVĐ không?		
	Có	366	89.05
	Không	45	10.95

3.2.4. Bàn luận kết quả nghiên cứu nhiệm vụ 2

3.2.4.1. Bàn luận về việc lựa chọn trò chơi vận động trong giờ ngoại khóa cho học sinh các trường tiểu học tỉnh Thái Nguyên

Quá trình lựa chọn các TCVĐ nhằm phát triển thể chất cho học sinh các trường tiểu học tỉnh Thái Nguyên của luận án đã tuân thủ các cơ sở lý và các cơ sở thực tiễn; tuân thủ các nguyên tắc, nguyên lý GDTC trong trường học… Ngoài ra, luận án tiến hành lựa chọn TCVĐ thông qua tham khảo tài liệu, quan sát sư phạm, phỏng vấn bằng phiếu hỏi. Đặc biệt, luận án lựa chọn những TCVĐ theo xu hướng đơn giản, dễ chơi, dễ tổ chức dưới các hình thức chơi khác nhau vừa là cá nhân vừa theo nhóm tạo điều kiện cho các em học sinh có thể tự chơi, tự tổ chức, tự đánh giá hoạt động chơi của mình tại nhà, đây là

những bước cơ bản giúp luận án lựa chọn được những TCVĐ khách quan, phù hợp, có tính khả thi nhằm phát triển thể chất cho học sinh.

Một số tiêu chí mở rộng trong việc lựa chọn các TCVĐ cho học sinh đó là: Sự phù hợp giữa các bài tập với nhiệm vụ nghiên cứu; tính tới khả năng đưa vào các trò chơi những yếu tố tâm sinh lý phù hợp; sự vừa sức, tính xúc cảm, sức lôi kéo của trò chơi. Tính đặc thù trong việc sử dụng các TCVĐ chính là ở chỗ sử dụng các bài tập này trong các chu kỳ khép kín với việc theo dõi nhu cầu hợp lý của khối lượng vận động sao cho phù hợp với lứa tuổi và giới tính của các em.

Như vậy, có thể nói việc lựa chọn các TCVĐ trong giờ ngoại khóa cho học sinh tiểu học tỉnh Thái Nguyên là khoa học, phù hợp, xuất phát từ thực tiễn và đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra.

3.2.4.2. Bàn luận về việc ứng dụng các trò chơi vận động đã lựa chọn của luận án trong thực tế.

Sau khi lựa chọn được các TCVĐ qua phỏng vấn, luận án tiến hành xây dựng quy trình ứng dụng trò chơi vận động trong giờ ngoại khóa nhằm phát triển thể chất cho học sinh tiểu học tỉnh Thái Nguyên**.** Việc xây dựng quy trình thống nhất gồm các phần: Mục tiêu; nội dung; cách thức thực hiện và điều kiện thực hiện. Đây là những hướng dẫn cơ bản, chi tiết giúp người thực hiện có thể áp dụng TCVĐ trong thực tế và đánh giá hiệu quả đạt được.

Tiếp theo, luận án đã thiết kế hoạt động sử dụng trò chơi vận động nhằm phát triển thể chất cho học sinh tiểu học, đó là hoạt động GDNGLL và hoạt động ngoại khóa môn Thể dục**.** Vận dụng quy trình sử dụng TCVĐ nhằm phát triển thể chất cho HSTH trong tổ chức các hoạt động giáo dục: Hoạt động GDNGLL, hoạt động ngoại khóa môn Thể dục có sử dụng TCVĐ đã tuân theo quy trình tổ chức sử dụng TCVĐ. Quy trình sử dụng TCVĐ đảm bảo cho quá trình tổ chức hoạt động giáo dục được diễn ra theo một cấu trúc chặt chẽ trong tổ chức thực hiện, lô gich về mặt nội dung và đảm bảo hiệu quả tổ chức hoạt động.

Các TCVĐ đã lựa chọn sau khi xây dựng quy trình và thiết kế hoạt động ứng dụng cụ thể đã được luận án ứng dụng trong thực tiễn và đánh giá hiệu quả. Qúa trình thực nghiệm được xây dựng với mục đích, nội dung và tiến trình thực nghiệm rất cụ thể và chi tiết. Đặc biệt quá trình ứng dụng được thực hiện theo 3 hướng trong hoạt động GDNGLL và trong hoạt động ngoại khóa môn Thể dục. Với mật độ thực nghiệm các TCVĐ như vậy đảm bảo được lượng vận động tác động lên cơ thể học sinh nhóm thực nghiệm để quá trình thực nghiệm mang lại hiệu quả.

Thực nghiệm được tiến hành tại 3 trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, mỗi trường bao gồm các lớp thực nghiệm và lớp đối chứng. Số lượng học sinh thực nghiệm gồm 12 lớp, tương ứng 412 học sinh. Đây là số lượng học sinh tương đối đảm bảo tính đại diện của mẫu nghiên cứu.

Thực nghiệm được tiến hành thông qua đội ngũ giáo viên Thể dục tại 3 trường tiểu học và các giáo viên được tập huấn cụ thể về nội dung thực nghiệm. Kết thúc tập huấn 100% giáo viên đã nắm chắc được cách ứng dụng các TCVĐ trong giờ ngoại khóa mà đề tài đã lựa chọn.

Như vậy, việc ứng dụng các TCVĐ đã lựa chọn của luận án trong thực tế theo cách thức tổ chức thực nghiệm và đánh giá hiệu quả được tiến hành khoa học, hợp lý. Đây là những điều kiện cơ bản đảm bảo cho việc đánh giá hiệu quả ứng dụng chương trình chính xác, khách quan và đạt hiệu quả cao nhất.

3.2.4.3. Bàn luận về kết quả ứng dụng các trò chơi vận động lựa chọn

Kết quả thực nghiệm đã chứng minh tính tất yếu và tính hiệu quả trong việc vận dụng hợp lý các TCVĐ trong giờ ngoại khóa. Kết quả đạt được như mục tiêu đề ra là góp phần phát triển thể chất và nâng cao học lực môn học thể dục đồng thời làm tăng hưng thú tập luyện TDTT cho đối tượng là những học sinh tiểu học. Một trong những điều kiện quan trọng nhất để nâng cao hiệu quả tác động của các phương tiện TDTT, sự phân hóa và cá nhân hoá sử dụng những phương tiện đó có tính tới những khả năng vận động của cá nhân, đồng thời cũng tính tới khuynh hướng, nhu cầu và các sở thích của học sinh. Kết quả thực nghiệm sư phạm của luận án đã chú trọng những đặc trưng về chất thể hiện trên hai phần chính (cuộc sống thực tế và hình thức hoạt động thể chất chủ đạo) cùng 4 mặt (trình độ trí lực, đặc điểm phát triển nhân cách, quá trình phát dục về sinh lý và trình độ phát triển ngôn ngữ). Việc giao các nhiệm vụ vừa sức trong tập luyện sẽ đưa tới ảnh hưởng "dương tính" đối với phẩm chất thể lực trẻ em. Cơ thể dần hoàn chỉnh thông qua các hoạt động bài tập thực dụng tự nhiên này. Chính vì vậy môi trường GDTC cần tạo nên sự thỏa mãn tối đa nhu cầu hoạt động vận động, trạng thái tâm lý phù hợp thích ứng, thuận lợi cho nội dung GDTC trong các trường tiểu học nước ta.

Kết quả thực nghiệm đã chứng minh tính tất yếu và tính hiệu quả trong việc vận dụng hợp lý các TCVĐ trong giờ ngoại khóa. Kết quả đạt được như mục tiêu đề ra là góp phần phát triển thể chất và nâng cao học lực môn học thể dục đồng thời làm tăng hứng thú tập luyện TDTT cho đối tượng là những học sinh tiểu học.

Tóm tắt kết quả nghiên cứu nhiệm vụ 2

Việc nghiên cứu, lựa chọn TCVĐ và sử dụng trong giờ ngoại khóa nhằm phát triển thể chất cho học sinh trong nhà trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là cần thiết trong công tác giáo dục nhà trường hiện nay. Quá trình này góp phần giải quyết vấn đề tìm kiếm phương thức tổ chức hoạt động giáo dục và vấn đề thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất hiệu quả thông qua một hình thức tổ chức mới.

Các TCVĐ mà chúng tôi nghiên cứu và lựa chọn được các chuyên gia đánh giá cao về tính khả thi, tính thực tiễn, đảm bảo sự phát triển và phù hợp với đặc điểm đối tượng nghiên cứu.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận:

1. Kết quả nghiên cứu thực trạng công tác GDTC ở các trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cho thấy: 100% trường tiểu học trên địa bàn đã thực hiện đầy đủ nội dung chương trình GDTC bắt buộc hiện hành do Bộ GD&ĐT qui định. Đội ngũ giáo viên Thể dục trong các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên còn thiếu và yếu. Cơ sở vật chất, sân bãi phục vụ công tác giảng dạy môn Thể dục cũng như các hoạt động thể thao ở các trường còn nhiều hạn chế cả về chất lượng và số lượng. Học sinh tiểu học của tỉnh có kết quả học tập môn học Thể dục và kết quả xếp loại thể lực hàng năm chủ yếu ở mức trung bình và trung bình khá so với các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Các chỉ số về hình thái cơ thể của học sinh Tiểu học trên địa bàn phát triển ở mức khá, song các chỉ số về chức năng và thể lực còn ở mức thấp so với tiêu chuẩn thể chất người Việt Nam cùng độ tuổi nhất là các chỉ số về sức nhanh và sức bền.

Sử dụng TCVĐ nhằm phát triển thể chất cho HSTH đã được giáo viên các trường quan tâm, các bậc phụ huynh ủng hộ, học sinh ham thích, nhưng vấn đề cần chọn trò chơi nào, chơi lúc nào, cách chơi ra sao để đảm bảo tính hiệu quả lại chưa được đề cập đến trên phương diện khoa học.

2. Luận án đã lựa chọn được 30 TCVĐ thuộc 5 nhóm rèn luyện kỹ năng nhằm phát triển thể chất cho HSTH trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và tiến hành tổ chức thực nghiệm các TCVĐ đã được lựa chọn trong thực tiễn. Kết quả thực nghiệm bước đầu khẳng định tính hiệu quả của các TCVĐ mà luận án đã lựa chọn. Những phân tích kết quả thực nghiệm cho thấy sự chuyển biến đáng kể của học sinh ở các chỉ số hình thái và chức năng cơ thể, đặc biệt phát triển được các tố chất thể lực, nâng cao được kết quả học tập môn Thể dục cũng như tinh thần, thái độ của học sinh trong và sau chương trình thực nghiệm và hoạt động thực nghiệm của luận án được các giáo viên, phụ huynh học sinh rất ủng hộ và đánh giá rất cao về hiệu quả của hoạt động. Kết quả nghiên cứu góp phần khẳng định cơ sở thực tiễn của việc ứng dụng các TCVĐ nhằm phát triển thể chất và nâng cao hiệu quả công tác GDTC trong nhà trường.

Kiến nghị :

1. Các trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cần tiếp tục quan tâm chỉ đạo thực hiện nội dung chương trình GDTC theo quy định hiện hành, chú trọng tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa có sử dụng TCVĐ cho học sinh nhằm nâng cao hiệu quả công tác GDTC trong mỗi trường học.

2. Giáo viên và cán bộ quản lý các trường có thể tham khảo kết quả nghiên cứu của đề tài, nhất là các TCVĐ để ứng dụng cho phù hợp với từng trường nhằm phát triển thể chất học sinh, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện thế hệ trẻ.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Trần Thị Tú, Lê Anh Thơ, Trần Trung (2018), *"Thực trạng công tác giáo dục thể chất tại các trường tiểu học của tỉnh Thái Nguyên*", Tạp chí khoa học Đào tạo và Huấn luyện Thể thao, số 3/2018 (trang 42-47), Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
2. Trần Thị Tú (2018), "*Thực trạng sử dụng trò chơi vận động ở các trường tiểu học của tỉnh Thái Nguyên*", Tạp chí Khoa học Thể thao, số 3/2018 (trang 71-74), Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.